

XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN TUYỂN CHỌN BAN ĐẦU NAM VẬN ĐỘNG VIÊN CẦU LÔNG TẠI VIỆT NAM

Nguyễn Văn Phúc⁽¹⁾

Thông tin bài báo:

Ngày nhận bài: 16/08/2026

Ngày phản biện: 15/09/2026

Ngày đăng: 16/10/2026

Tác giả liên hệ:

Nguyễn Văn Phúc

Email: nguyenvanphuchn@gmail.com

Tập 16, số 5 (2026), trang 8-15

DOI: <https://doi.org/10.64024/upes14119>

Bản quyền © 2026. Bài báo này là công bố Truy cập Mở (Open Access) và được phân phối theo các điều khoản của Creative Commons Attribution-NonCommercial 4.0 International (CC BY-NC 4.0).

Tóm tắt:

Quá trình nghiên cứu sử dụng các phương pháp nghiên cứu thường quy trong lĩnh vực thể dục thể thao nhằm xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn ban đầu nam VĐV Cầu lông lứa tuổi 9-10 ở Việt Nam. Kết quả nghiên cứu đã lựa chọn được 17 test thuộc 5 nhóm tiêu chí gồm hình thái, chức năng, tố chất thể lực, kỹ chiến thuật và tâm lý. Trên cơ sở kiểm định khoa học, nghiên cứu xây dựng hệ thống bảng điểm, tiêu chuẩn phân loại và đánh giá tổng hợp trên cơ sở 12 test ưu tiên. Kết quả nghiên cứu góp phần nâng cao tính khoa học, khách quan và hiệu quả trong công tác tuyển chọn nam VĐV Cầu lông trẻ tại Việt Nam.

Từ khóa: Tiêu chuẩn tuyển chọn ban đầu, nam vận động viên, Cầu lông, Bóng bàn, Quần vợt.

Developing initial selection criteria for male badminton athletes in Vietnam

Nguyen Van Phuc⁽¹⁾

Article Information:

Received: 16/08/2026

Review date: 15/09/2026

Published: 16/10/2026

Corresponding Author:

Nguyen Van Phuc

Email: nguyenvanphuchn@gmail.com

Vol 16, Issue 5 (2026), pp 8-15

DOI: <https://doi.org/10.64024/upes14119>

Copyright © 2026. This is an Open Access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution-NonCommercial 4.0 International (CC BY-NC 4.0).

Abstract:

This study employed conventional research methods in physical education and sports to develop initial selection criteria for male badminton athletes aged 9–10 in Vietnam. The study identified 17 tests belonging to five groups of criteria: anthropometric characteristics, physiological functions, physical fitness, technical - tactical skills, and psychological characteristics. Based on scientific validation, a system of scoring tables, classification standards, and comprehensive assessment criteria was developed using 12 priority tests. The findings contribute to improving the scientific rigor, objectivity, and effectiveness of the selection process for young badminton athletes in Vietnam.

Keywords: Influencing factors, initial selection, male athletes, badminton, table tennis, tennis.

⁽¹⁾PGS TS Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong thể thao thành tích cao hiện đại, tuyển chọn ban đầu vận động viên (VĐV) không chỉ nhằm phát hiện những cá nhân có năng khiếu mà còn giữ vai trò định hướng quá trình đào tạo lâu dài và nâng cao hiệu quả đầu tư huấn luyện. Đối với môn Cầu lông, đặc điểm thi đấu tốc độ cao, yêu cầu di chuyển linh hoạt, phản xạ nhanh và khả năng phối hợp vận động phức tạp đòi hỏi công tác tuyển chọn phải được tiến hành từ sớm, trên cơ sở các tiêu chí khoa học phù hợp với đặc điểm lứa tuổi. Tuy nhiên, thực tế tuyển chọn nam VĐV Cầu lông trẻ tại Việt Nam hiện nay còn thiếu hệ thống tiêu chuẩn thống nhất; việc đánh giá chủ yếu dựa vào kinh nghiệm và thành tích trước mắt, chưa phản ánh đầy đủ tiềm năng phát triển lâu dài của VĐV. Đặc biệt, chưa có hệ thống bảng điểm và thang phân loại phù hợp riêng cho tuyển chọn ban đầu. Xuất phát từ thực tiễn đó, việc xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn ban đầu nam VĐV Cầu lông ở Việt Nam là cần thiết và có ý nghĩa thực tiễn.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Quá trình nghiên cứu sử dụng các phương pháp: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp quan sát sự phạm; Phương pháp phỏng vấn và phương pháp toán học thống kê.

Nghiên cứu được khảo sát tại các địa phương và đơn vị tiêu biểu, được lựa chọn theo phương pháp chọn mẫu có mục đích gồm: Hà Nội, Bắc Giang, Hải Dương, Thái Bình, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Cần Thơ, cùng các đơn vị

chuyên biệt như Quân đội, Bộ Công an và Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

Hội thảo chuyên gia được tổ chức với 50 thành viên là HLV, giảng viên, chuyên gia từ các trung tâm thể thao và cơ sở đào tạo uy tín (TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng, Trường ĐH TDTT Bắc Ninh...)

Phỏng vấn được tiến hành trên 98 chuyên gia/HLV môn Cầu lông tại các đơn vị huấn luyện mạnh của Việt Nam.

Khảo sát được tiến hành trên 60 nam VĐV Cầu lông lứa tuổi 9-10 tuổi, trong đó có 30 VĐV 9 tuổi và 30 VĐV 10 tuổi. Các VĐV đều đã qua tập luyện sơ bộ 3-6 tháng.

Thời gian nghiên cứu: Năm 2025

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Lựa chọn tiêu chí tuyển chọn ban đầu nam vận động viên Cầu lông Việt Nam

1.1. Xác định các nhóm tiêu chí đặc trưng và xây dựng khung lý thuyết lựa chọn tiêu chí

Thông qua phân tích và tổng hợp các tài liệu có liên quan, quan sát sự phạm, phỏng vấn các chuyên gia và phỏng vấn trên diện rộng bằng phiếu hỏi, nghiên cứu đã xác định được 5 nhóm tiêu chí cần thiết trong tuyển chọn ban đầu nam VĐV Cầu lông Việt Nam gồm: hình thái, chức năng, tố chất thể lực, kỹ chiến thuật và tâm lý.

Dựa trên nghiên cứu tài liệu chuyên khảo trong và ngoài nước, khảo sát thực tiễn tại các trung tâm đào tạo và quan sát trực tiếp các buổi tuyển chọn tại địa phương, đề tài xây dựng danh mục chỉ tiêu ban đầu cho ba môn, được phân theo 5 nhóm. Cấu trúc khung ban đầu được trình bày tại bảng 1.

Bảng 1. Cấu trúc các nhóm tiêu chí và số lượng chỉ tiêu tuyển chọn ban đầu môn Cầu lông

TT	Nhóm tiêu chí	Số lượng	Nội dung/ chỉ tiêu ban đầu
1	Hình thái	6	Chiều cao, cân nặng, tỷ lệ cơ thể
2	Chức năng	4	Nhịp tim, dung tích sống, huyết áp
3	Tổ chất thể lực	8	Tốc độ, sức mạnh, sức bền, nhanh nhẹn
4	Kỹ chiến thuật	4	Kỹ thuật cơ bản đặc thù từng môn
5	Tâm Lý	3	Phản xạ, trí tuệ
Tổng		25	

Danh mục này đóng vai trò là “ngân hàng chỉ tiêu ban đầu” trước khi tiến hành sàng lọc qua các vòng phỏng vấn chuyên gia và hội thảo chuyên môn.

1.2. Khảo sát chuyên gia diện rộng - sàng lọc test bằng thang đo 3 mức

Phỏng vấn 98 chuyên gia/HLV môn Cầu lông tại các đơn vị huấn luyện mạnh của Việt Nam bằng phiếu hỏi. Kết quả lựa chọn được 16 test thuộc 5 nhóm test tuyển chọn VĐV.

Trên cơ sở kết quả khảo sát diện rộng, đề tài tiếp tục tổ chức hội thảo chuyên gia với 50 thành viên là HLV, giảng viên, chuyên gia từ các trung tâm thể thao và cơ sở đào tạo uy tín (TP Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng, Trường ĐH TDTT Bắc Ninh...). Tiêu chí lựa chọn chuyên gia nghiêm ngặt:

Tối thiểu 10 năm kinh nghiệm; Trình độ từ Thạc sĩ trở lên, hoặc đang là HLV đội tuyển/tỉnh/thành;

Phương pháp đánh giá kết hợp định tính và định lượng;

Thảo luận nhóm có cấu trúc (Structured Group Discussion): xem xét tính phù hợp, chi phí, thời lượng và khả năng triển khai từng test;

Bỏ phiếu đồng thuận (Consensus Voting): định lượng mức độ ủng hộ với từng test theo 2 mức: giữ - không giữ/điều chỉnh.

Tại vòng này, đề tài áp dụng ngưỡng đồng thuận 80% để quyết định giữ lại test, với các lý do:

Hội thảo có quy mô nhỏ nhưng trình độ chuyên môn cao, do đó cần ngưỡng nghiêm ngặt hơn để phản ánh sự thống nhất của nhóm chuyên gia “tinh hoa”;

Theo khuyến nghị của nhiều hiệp hội chuyên môn (trong đó có ACSM, 2018), mức 80% thường được xem là “chuẩn vàng” cho đồng thuận chuyên gia khi xây dựng hướng dẫn.

Kết quả tổng hợp được trình bày tại bảng 2.

Bảng 2. Tổng hợp kết quả hội thảo chuyên gia (n=50)

TT	Test	Kết quả sàng lọc
1	Test ban đầu	25
2	Test sau khảo sát	17
3	Test sau hội thảo	17
4	Tỷ lệ test được giữ lại	48.0%

Các test lựa chọn qua hội thảo được xác định độ tin cậy bằng test lặp lại và tính thông báo qua hệ số tương quan thứ bậc. Kết quả của đối tượng nghiên cứu bảo đảm độ tin cậy thống kê trên đối tượng nghiên cứu. Cụ thể các test được trình bày ở mục 2.

2. Xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn ban đầu nam VĐV Cầu lông ở Việt Nam

Trước khi tiến hành xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn ban đầu cho nam VĐV Cầu lông Việt Nam, nghiên cứu tiến hành so sánh kết quả kiểm tra của nam VĐV Cầu lông lứa tuổi 9 và lứa tuổi 10. Kết quả cho thấy, thành tích kiểm tra có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê nên cần xây dựng tiêu chuẩn riêng theo lứa tuổi.

Khi kiểm tra tính phân phối chuẩn của các test cho thấy $C_v < 10\%$ và bảo đảm có thể áp dụng quy tắc 2 σ và thang C trong xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn cho VĐV.

2.1. Cấu trúc thang điểm và nguyên tắc phân loại

Bảng điểm được xây dựng riêng biệt cho từng giới tính và lứa tuổi, nhằm đảm bảo phù hợp với đặc điểm sinh lý và giai đoạn phát triển của VĐV. Đối với các chỉ tiêu nghịch (ví dụ: thời gian phản xạ, nhịp tim, thời gian chạy), điểm số sẽ được đảo chiều tương ứng để phản ánh đúng đặc tính thành tích.

Tất cả các đơn vị đo lường, phương pháp làm tròn và ký hiệu thống kê đều được chuẩn hóa, nhằm đảm bảo tính so sánh chéo giữa các bài test, các nhóm tuổi và giới tính.

2.2. Tiêu chuẩn tuyển chọn ban đầu nam VĐV Cầu lông ở Việt Nam

Trong quá trình xây dựng thang điểm phân loại năng lực tổng hợp, quá trình nghiên cứu chỉ lựa chọn các chỉ tiêu ưu tiên- tức là những chỉ số:



Tuyển chọn ban đầu VĐV Cầu lông có vai trò quan trọng trong việc phát hiện năng khiếu, đánh giá tiềm năng và định hướng đào tạo phù hợp, góp phần nâng cao hiệu quả huấn luyện và thành tích thể thao lâu dài

Có mức độ phân hóa rõ rệt giữa các VĐV;

Có giá trị dự báo thành tích cao trong thi đấu thực tế;

Phản ánh đúng đặc trưng vận động và kỹ - chiến thuật của môn thể thao.

Đây là nguyên tắc cốt lõi nhằm đảm bảo thang điểm không chỉ mang tính mô tả, mà còn có năng lực sàng lọc, phân loại và dự báo tiềm năng phát triển của VĐV một cách khách quan, thực chứng.

Ngược lại, một số chỉ tiêu như nhịp tim lúc nghỉ, dung tích sống, và test chú ý 2 phút - tuy vẫn được giữ lại trong bộ test - không được đưa vào xây dựng thang điểm chi tiết, vì các lý do sau:

Tính ổn định cao, ít phân hóa ở lứa tuổi nhỏ: Nhịp tim và dung tích sống là các chỉ số sinh lý nền tảng, có độ ổn định tương đối cao trong giai đoạn tiền dậy thì, ít biến động nếu không có yếu tố bệnh lý. Vì vậy, giá trị phân loại thấp, không phản ánh được khác biệt rõ rệt giữa các VĐV trong độ tuổi 9-10 tuổi. Đây là chỉ số có vai trò kiểm soát sức khỏe hơn là dự báo thành tích: Các chỉ số này chủ yếu dùng để xác nhận tình trạng sức khỏe tối thiểu, đảm bảo VĐV đủ điều kiện tham gia tập luyện, chứ không phải là yếu tố quyết định khả năng thi đấu hay tiềm năng thể thao lâu dài.

Không mang tính đặc thù theo môn: Dù test chú ý 2 phút liên quan đến khả năng phân xạ thần kinh, nhưng ở lứa tuổi nhỏ, kết quả bị ảnh hưởng lớn bởi yếu tố môi trường, hứng thú hoặc sự nắm bắt nhiệm vụ. Bên cạnh đó, test này đều không phản ánh kỹ năng đặc thù như tốc độ, lực tay, khả năng xử lý cầu... vốn là trọng tâm trong tuyển chọn môn Cầu lông.

Tăng tính khả thi khi triển khai thực tế: Việc không lượng hóa các test này thành điểm số cụ thể giúp giảm đáng kể áp lực về trang thiết bị, yêu cầu chuyên môn đo lường và nhân lực kỹ thuật,

đặc biệt tại các tuyển cơ sở, nơi còn thiếu hụt nghiêm trọng về thiết bị y sinh, công cụ đánh giá tâm lý và đội ngũ chuyên gia chuyên sâu. Thay vì chấm điểm chi tiết, các test này chỉ cần đạt ngưỡng chấp nhận tối thiểu để đảm bảo điều kiện sức khỏe và chức năng cơ bản, qua đó tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc triển khai thực tế, đồng thời vẫn duy trì tiêu chí sàng lọc tối thiểu cần thiết trong quy trình tuyển chọn vận động viên trẻ.

Vì vậy, Các test nêu trên vẫn được đưa vào bộ test tuyển chọn để đảm bảo kiểm soát sức khỏe và năng lực thần kinh cơ bản của VĐV, nhưng không được chấm điểm trong thang phân loại tổng hợp. Điều này giúp đảm bảo thang điểm tập trung vào những yếu tố phân loại thực sự, đồng thời vẫn duy trì ngưỡng sàng lọc cần thiết để đảm bảo tính toàn diện, an toàn và khả thi trong điều kiện áp dụng thực tế tại Việt Nam.

Trong quá trình nghiên cứu, 12 test đánh giá thể lực và kỹ, chiến thuật chuyên môn đã được lựa chọn để xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn VĐV.

Bảng điểm tuyển chọn ban đầu nam VĐV Cầu lông ở Việt Nam được tiến hành trên cơ sở thang độ C. Kết quả được trình bày tại bảng 3 và bảng 4.

Bảng tiêu chuẩn phân loại tuyển chọn ban đầu VĐV được trình bày tại bảng 5 và bảng 6.

**Bảng 3. Bảng điểm tiêu chuẩn tuyển chọn ban đầu nam VĐV Cầu lông
lứa tuổi 9 của Việt Nam**

TT	Nội dung kiểm tra	Điểm									
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Chạy 30m XFC (s)	7.30	7.03	6.75	6.48	6.20	5.93	5.65	5.38	5.10	4.83
2	Bật xa tại chỗ (cm)	113.20	118.80	124.40	130	135.60	141.20	146.80	152.40	158	163.60
3	Nhảy dây 1 phút (lần)	63	66	69	72	76	79	82	85	88	91
4	Chạy con thoi 4x10m (s)	15.70	15.15	14.60	14.05	13.5	12.95	12.40	11.85	11.30	10.75
5	Chạy 600m (s)	190.10	183.30	176.50	169.70	162.90	156.10	149.30	142.50	135.70	128.90
6	Di chuyển ngang 10 lần (s)	14.70	14.05	13.40	12.75	12.1	11.45	10.80	10.15	9.50	8.85
7	Di chuyển lên xuống 10 lần (s)	14.50	13.90	13.30	12.70	12.10	11.50	10.90	10.30	9.70	9.10
8	Ném cầu xa (m)	6.70	7.11	7.52	7.93	8.34	8.75	9.16	9.57	9.98	10.39
9	Phông cầu cuối sân thuận tay 10 quả (lần)	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
10	Đập cầu cuối sân thuận tay 10 quả (lần)	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
11	Giao cầu vào ô vuông quy định 10 lần (điểm)	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
12	Tấn công 2 góc cuối sân 10 lần (điểm)	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

2.3. Xác định tổng điểm tối đa và xây dựng bảng điểm quy đổi của các yếu tố thành phần trong tuyển chọn vận động viên Cầu lông ở Việt Nam

Hệ thống đánh giá trong nghiên cứu được xây dựng dựa trên thang điểm tối đa là 10 điểm cho mỗi chỉ tiêu, đảm bảo tính rõ ràng, trực quan và dễ áp dụng. Tổng điểm tối đa được tính bằng:

Tổng điểm tối đa = Số lượng chỉ tiêu $\times$ 10 điểm, cho phép quy đổi kết quả đánh giá sang tỷ lệ phần trăm để dễ dàng so sánh và phân loại.

Nguyên tắc “bù trừ có kiểm soát”: Quan điểm bù trừ (compensatory approach) cho phép

điểm mạnh ở một yếu tố bù đắp cho điểm yếu ở yếu tố khác, miễn tổng điểm đạt ngưỡng yêu cầu. Nguyên tắc này phản ánh thực tế rằng không có VĐV nào hoàn hảo ở tất cả các khía cạnh, và nhiều VĐV xuất sắc có thể có một số điểm yếu nhất định.

Với nam VĐV Cầu lông, mỗi test thành phần được quy ước điểm tối đa là 10 điểm. Như vậy, đối với các môn có 12 test, tổng điểm tối đa sẽ là 120 điểm.

Tổng điểm của từng VĐV sẽ được tính bằng tổng số điểm đạt được từ tất cả các test, sau đó đối chiếu với thang phân loại 5 mức độ để xác

Bảng 4. Bảng điểm tiêu chuẩn tuyển chọn ban đầu nam VĐV Cầu lông lứa tuổi 10 của Việt Nam

TT	Nội dung kiểm tra	Điểm									
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Chạy 30m XFC (s)	6.70	6.43	6.15	5.88	5.60	5.33	5.05	4.78	4.50	4.23
2	Bật xa tại chỗ (cm)	125.00	130.6	136.20	141.80	147.40	153	158.60	164.20	169.80	175.40
3	Nhảy dây 1 phút (lần)	70	73	78	81	84	87	90	93	96	99
4	Chạy con thoi 4x10m (s)	14.80	14.25	13.70	13.15	12.6	12.05	11.50	10.95	10.40	9.85
5	Chạy 600m (s)	186.50	180	173.50	167	160.5	154	147.50	141	134.50	128
6	Di chuyển ngang 10 lần (s)	13.90	13.30	12.70	12.10	11.50	10.90	10.30	9.70	9.10	8.50
7	Di chuyển lên xuống 10 lần (s)	13.30	12.85	12.40	11.95	11.50	11.05	10.60	10.15	9.70	9.25
8	Ném cầu xa (m)	7.28	7.71	8.14	8.57	9	9.43	9.86	10.29	10.72	11.15
9	Phông cầu cuối sân thuận tay 10 quả (lần)	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
10	Đập cầu cuối sân thuận tay 10 quả (lần)	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
11	Giao cầu vào ô vuông quy định 10 lần (điểm)	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
12	Tấn công 2 góc cuối sân 10 lần (điểm)	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

định năng lực tương đối: Tốt: $\geq 80\%$ tổng điểm tối đa; Khá: 65-79%; Trung bình: 50-64%; Yếu: 35-49% và kém: $< 35\%$.

Để đảm bảo tính khách quan, khoa học và phù hợp với yêu cầu chuyên môn của môn thể thao, việc áp dụng nguyên tắc bù trừ trong đánh giá tổng hợp cần tuân thủ các điều kiện sau:

Ngưỡng tối thiểu cho từng test: Mỗi test thành phần phải đạt tối thiểu 4.0 điểm trên thang 10 điểm (tương ứng mức "Yếu"). Nếu bất kỳ test nào dưới ngưỡng này, VĐV không đủ điều kiện tuyển chọn, dù tổng điểm đạt yêu cầu.

Ngưỡng tổng điểm: Tổng điểm trung bình của tất cả các test (đã quy chuẩn về thang 10) phải đạt tối thiểu 7.0/10 (tương ứng mức "Khá") để được xem xét tuyển chọn.

Việc tuân thủ các điều kiện này giúp đảm bảo rằng mỗi VĐV không chỉ có tổng điểm cao mà còn đạt ngưỡng tối thiểu ở mọi mặt năng lực thiết yếu, từ đó nâng cao chất lượng đầu vào và tính công bằng trong quy trình tuyển chọn. Kết quả phân loại tổng hợp và ngưỡng tổ hợp test theo hệ thống điểm được trình bày ở bảng từ 7 đến 8.

Thang điểm tổng (tối đa 120) với các ngưỡng Tốt/Khá/TB/Yếu/Kém thống nhất cho lứa 9-10

**Bảng 5. Bảng phân loại tuyển chọn ban đầu cho nam VĐV Cầu lông
lứa tuổi 9 của Việt Nam**

TT	Test	Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt
1	Chạy 30m XFC (s)	>6.75	6.75-6.21	6.20-5.66	5.65-5.10	<5.10
2	Bật xa tại chỗ (cm)	<124.4	124.4-135.59	135.6-146.79	146.8-158	>158
3	Nhảy dây 1 phút (lần)	<69	69-76	77-81	82-88	>88
4	Chạy con thoi 4x10m (s)	>14.60	13.50 - 14.60	12.40 - 13.50	11.30 - 12.40	<11.30
5	Chạy 600m (s)	>176.50	162.90 - 176.50	149.30-162.90	135.70 - 149.30	<135.70
6	Di chuyển ngang 10 lần (s)	>13.40	12.10 - 13.40	10.80 - 12.10	9.50 - 10.80	< 9.50
7	Di chuyển lên xuống 10 lần (s)	>13.30	12.10 - 13.30	10.90 - 12.10	9.70 - 10.90	< 9.70
8	Ném cầu xa (m)	< 7.52	7.52 - 8.34	8.34 - 9.16	9.16 - 9.98	> 9.98
9	Phông cầu cuối sân thuận tay 10 quả (lần)	<3	3 - 4	5 - 6	7 - 8	≥9
10	Đập cầu cuối sân thuận tay 10 quả (lần)	<3	3 - 4	5 - 6	7 - 8	≥9
11	Giao cầu vào ô vuông quy định 10 lần (điểm)	<3	3 - 4	5 - 6	7 - 8	≥9
12	Tấn công 2 góc cuối sân 10 lần (điểm)	<3	3 - 4	5 - 6	7 - 8	≥9

**Bảng 6. Bảng phân loại tuyển chọn ban đầu cho nam VĐV Cầu lông
lứa tuổi 10 của Việt Nam**

TT	Test	Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt
1	Chạy 30m XFC (s)	> 6.15	5.60 - 6.15	5.05 - 5.60	4.50 - 5.05	< 4.50
2	Bật xa tại chỗ (cm)	<136.20	136.20-147.39	147.40-158.59	158.60 - 169.79	>169.80
3	Nhảy dây 1 phút (lần)	<78	78 - 83	84 - 89	90 - 95	>96
4	Chạy con thoi 4x10m (s)	> 13.70	12.60 - 13.70	11.50 - 12.59	10.40 - 11.49	< 10.40
5	Chạy 600m (s)	>173.50	160.50-173.50	147.50-160.49	134.50 - 147.49	<134.50
6	Di chuyển ngang 10 lần (s)	> 12.70	11.50 - 12.70	10.30 - 11.49	9.10 - 10.29	< 9.10
7	Di chuyển lên xuống 10 lần (s)	> 12.40	11.50 - 12.40	10.60 - 11.49	9.70 - 10.59	<9.70
8	Ném cầu xa (m)	<8.14	8.14 - 8.99	9.00 - 9.85	9.86 - 10.71	>10.72
9	Phông cầu cuối sân thuận tay 10 quả (lần)	<3	3 - 4	5 - 6	7 - 8	≥9
10	Đập cầu cuối sân thuận tay 10 quả (lần)	<3	3 - 4	5 - 6	7 - 8	≥9
11	Giao cầu vào ô vuông quy định 10 lần (điểm)	<3	3 - 4	5 - 6	7 - 8	≥9
12	Tấn công 2 góc cuối sân 10 lần (điểm)	<3	3 - 4	5 - 6	7 - 8	≥9

Bảng 7. Bảng điểm tổng hợp tuyển chọn ban đầu nam, nữ VĐV Cầu lông lứa tuổi 9-10

Đánh giá	Tổng số điểm của nam và nữ
Tốt	≥ 96
Khá	78 - 95
Trung bình	60 - 77
Yếu	42 - 59
Kém	≤ 41

Bảng 8. Ngưỡng tổ hợp test cho VĐV Cầu lông lứa tuổi 9-10

Lứa tuổi	Giới tính	Ngưỡng tổ hợp test
9	Nam	≥ 7.0
9	Nữ	≥ 6.5
10	Nam	≥ 7.5
10	Nữ	≥ 7.0

Ghi chú: Ngưỡng tổ hợp test = (điểm test 9 + 10 + 11 + 12) / 4. Áp dụng riêng theo giới và lứa tuổi

tạo mặt bằng so sánh chuẩn hoá, để áp dụng trên phạm vi rộng.

Bổ sung ngưỡng tổ hợp test theo tuổi - giới đóng vai trò “cửa kỹ thuật”, giúp tương đương hoá độ khó, hạn chế thiên vị và tăng sức phân biệt của hệ thống trong thực tiễn tuyển chọn.

KẾT LUẬN

Quá trình nghiên cứu đã lựa chọn được 17 test thuộc 5 nhóm tiêu chí gồm hình thái, chức năng, tố chất thể lực, kỹ chiến thuật và tâm lý trong tuyển chọn ban đầu cho nam VĐV Cầu lông lứa tuổi 9-10 ở Việt Nam. Trên cơ sở kết quả khảo sát và kiểm định khoa học, nghiên cứu đã xây dựng được hệ thống tiêu chuẩn, bảng điểm và thang phân loại tuyển chọn phù hợp theo từng lứa tuổi trên cơ sở 12 test thuộc các nhóm tố chất thể lực và kỹ - chiến thuật chuyên môn. Hệ thống tiêu chuẩn bảo đảm tính khách quan, khả thi và có giá trị ứng dụng thực tiễn trong tuyển chọn VĐV trẻ, góp phần nâng cao hiệu quả phát hiện và đào tạo tài năng Cầu lông tại Việt Nam.

TUYÊN BỐ VỀ VIỆC SỬ DỤNG AI TẠO SINH

Trong quá trình chuẩn bị bản thảo, tác giả đã sử dụng ChatGPT (OpenAI) để hỗ trợ rà soát

chính tả, diễn đạt và nhận diện các nội dung diễn đạt có dấu hiệu trùng lặp cần kiểm tra. AI không được sử dụng để tạo dữ liệu, phân tích dữ liệu hoặc tạo kết quả nghiên cứu. Tác giả đã kiểm tra, chỉnh sửa và xác minh toàn bộ nội dung, đồng thời chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và bản thảo cuối cùng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Thể dục Thể thao. (2021). *Thông tư số 05/2021/TT-BVHTTDL hướng dẫn công tác tuyển chọn và đào tạo vận động viên trẻ*.
2. Nguyễn, N. Cừ. (1997). *Khoa học tuyển chọn tài năng thể thao*. Nhà xuất bản Thể dục Thể thao.
3. Bùi, Q. Hải., & cộng sự. (2015). *Tuyển chọn vận động viên thể thao*. Nhà xuất bản Thể dục Thể thao.
4. Vũ, C. Thuý. (2016). *Giáo trình tuyển chọn tài năng thể thao*. Nhà xuất bản Dân trí.
5. Vaeyens, R., & cộng sự. (2008). *Talent identification and development programmes in sport*. *Sports Medicine*, 38(9), 703–714.
6. Williams, A. M., & Reilly, T. (2000). *Talent identification and development in sport*. *Journal of Sports Sciences*, 18(9), 657–667.